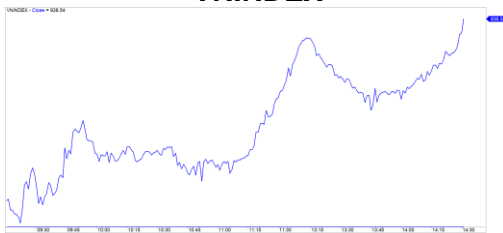


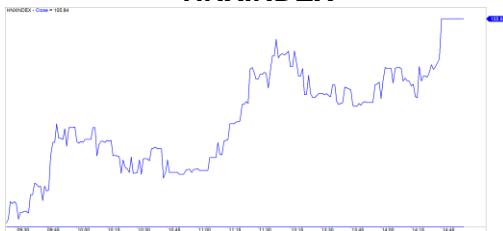
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	938.54	105.84	55.61
% ngày	1.36%	2.57%	0.72%
% tuần	-2.19%	1.66%	-0.22%
% tháng	-1.80%	4.55%	-0.48%
% năm	3.29%	2.42%	1.46%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,077	350	247
TB 1 tuần	4,109	451	222
TB 1 tháng	3,648	348	206
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	742.70	2.47	37.33
Bán	909.63	32.38	53.79
Giá trị ròng	-166.92	-29.91	-16.47
Độ rộng TT			
Mã Tăng	228	77	183
Mã Giảm	73	45	76
Không Đổi	88	250	644
Chỉ số chính			
P/E	14.30	8.98	14.24
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,174	199	863
LS Cổ tức	2.44%	4.72%	4.74%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tâm lý thị trường được cởi nút thắt e ngại trước lượng hàng bắt đáy T+3 trong phiên hôm nay khi tất cả chỉ số đều tăng rất mạnh. Tâm lý bớt e ngại khi tối hôm qua DJIA và S&P 500 tăng mạnh trở lại vùng đỉnh cũ. Chỉ số VN-Index sau phút lưỡng lự đầu phiên sáng thì đã đi lên chậm rãi sau đó và duy trì mạch tăng cho tới cuối phiên. Chỉ số chốt phiên tại 938.54 điểm tăng 1.36%. Chỉ số HNX-Index tiếp tục duy trì mạch tăng tốt với mức tăng 2.57% chốt tại 105.84 điểm. Dòng tiền tham gia tích cực đưa giá trị giao dịch khớp lệnh gia tăng đạt hơn 4,200 tỷ đồng.

Thị trường có phiên giao dịch thăng hoa nhờ đà dẫn dắt của nhóm Ngân hàng (VPB, HDB, MBB, CTG, TCB hay STB tăng hết biên độ). Nhóm Dầu khí (GAS(+5.3%), PVD(+6.8%), PVS(+5%), PVC(+3.4%)) bật tăng mạnh trong bối cảnh giá Dầu thế giới hồi phục mạnh. Nhóm Bất động sản cũng khá tích cực nhờ VRE(+6.9%), DXG(+6.9%), D2D(+6.8%), DRH(+7%), NTL(+3.2%)... Đà tăng có sự lan tỏa khi VN-Index có 264 mã tăng/83 mã giảm tương ứng có 3 mã tăng/1 mã giảm. Ở chiều giảm, ROS(-6.2%), SAB(-2.1%), NVL(-1.9%) là các mã có mức giảm đáng chú ý nhất.

Khối ngoại là điểm trừ khi bán ròng hơn 213.3 tỷ đồng toàn thị trường. Lượng bán ròng tập trung chủ yếu tại MS(66.8 tỷ), NVL(63.6 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, E1VFN30(30.8 tỷ), HDB(23.6 tỷ) tiếp tục được mua ròng khá trong 3 phiên vừa qua.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ chịu áp lực điều chỉnh gia tăng trong phiên tới và chỉ số VN-Index sẽ phải đối mặt với áp lực bán tại mức kháng cự 939 điểm. Đồng thời, chúng tôi đánh giá nhịp điều chỉnh có thể sẽ không giảm sâu khi lực cầu vẫn đang có chiều hướng tích cực trong ngắn hạn, đặc biệt dòng tiền đã có sự đồng thuận hơn giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục hồi phục cho nên chiến lược ngắn hạn là gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 939.13 điểm và nâng mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN30 và HNX-Index từ GIẢM lên TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

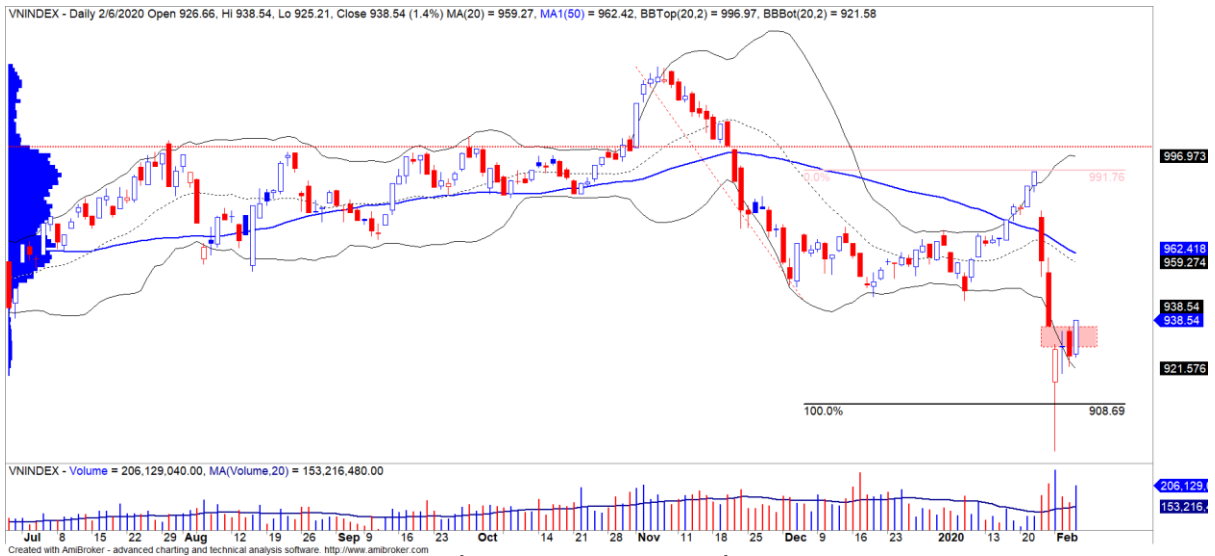
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 23% cổ phiếu/77% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.95	TĂNG	GIẢM	11.95	11.65	0.00%	MUA		13.75		
ACB	24.00	TĂNG	TĂNG	24.00	23.58	0.00%	MUA	24.00	22.57	0.00%	
ACV	59.00	GIẢM	GIẢM		61.40				77.50		
ANV	18.80	TĂNG	GIẢM	18.80	18.67	0.00%	MUA		24.61		
ASM	5.86	GIẢM	GIẢM		6.07				7.18		
BFC	10.50	GIẢM	GIẢM		11.04				13.05		
BID	53.20	GIẢM	TĂNG		55.97			33.40	49.22	59.28%	
BMP	42.00	GIẢM	GIẢM		43.42				49.34		
BSR	7.80	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	58.40	GIẢM	GIẢM		60.36				72.56		
BWE	19.35	GIẢM	GIẢM		20.78				24.17		
CEO	8.30	GIẢM	GIẢM		8.62				9.80		
CII	23.95	GIẢM	TĂNG		25.48			26.00	22.83	-7.88%	
CMG	31.00	GIẢM	GIẢM		32.30				38.10		
CMX	16.25	TĂNG	TĂNG	12.55	15.07	29.48%			16.17		
CSM	13.50	GIẢM	GIẢM		14.69				14.75		
CTD	53.10	GIẢM	GIẢM		55.97				61.28		
CTG	27.75	TĂNG	TĂNG	20.60	25.20	34.71%		23.55	22.98	17.83%	
CTR	45.40	GIẢM	N/A		48.02			-	N/A		
CVT	19.90	GIẢM	GIẢM		20.20				22.18		
DCM	5.70	GIẢM	GIẢM		5.90				6.45		
DGC	24.20	GIẢM	GIẢM		25.21				26.93		
DGW	24.85	TĂNG	TĂNG	24.85	24.37	0.00%	MUA	25.20	22.71	-1.39%	
DHA	32.00	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	0.47%			32.52		
DHC	39.00	GIẢM	TĂNG		41.92			37.70	36.02	3.45%	
DHG	95.90	GIẢM	TĂNG		102.87			99.50	94.66	-3.62%	MUA
DIG	11.50	GIẢM	GIẢM		12.11				14.46		
DPG	25.80	GIẢM	GIẢM		27.66				38.70		
DPM	11.70	GIẢM	GIẢM		11.87				13.89		
DPR	38.90	GIẢM	TĂNG		40.16			41.30	36.21	-5.81%	
DQC	14.50	GIẢM	GIẢM		15.24				17.13		
DRC	23.80	GIẢM	TĂNG		24.62			21.60	23.40	10.19%	BÁN
DXG	11.65	GIẢM	GIẢM		11.93				14.95		
EIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-0.56%		18.40	16.46	-3.80%	
FCN	9.54	GIẢM	GIẢM		9.88				11.04		



We Create Fortune

FMC	24.95	GIẢM	GIẢM		25.60			31.60	25.00	-20.90%	
FPT	53.60	GIẢM	GIẢM		53.94			46.00	54.99	19.54%	BÁN
GAS	85.90	GIẢM	GIẢM		87.45				101.88		
GEX	19.05	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-7.07%			20.84		
GIL	18.00	GIẢM	GIẢM		19.25			18.90	18.75	-0.80%	MUA
GMD	19.50	GIẢM	GIẢM		19.77				23.37		
GTN	16.30	GIẢM	GIẢM		17.51				20.66		
GVR	10.90	GIẢM	N/A		11.30				N/A		
HAG	3.53	GIẢM	GIẢM		3.59				4.22		
HAX	13.55	GIẢM	GIẢM		14.30				17.10		
HBC	10.55	GIẢM	GIẢM		11.15				12.34		
HCM	18.90	GIẢM	GIẢM		19.90				23.40		
HDB	29.90	TĂNG	TĂNG	28.40	26.07	5.28%			29.24		
HDC	20.70	GIẢM	GIẢM		21.10			15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	27.25	GIẢM	GIẢM		28.07				32.97		
HNG	13.55	GIẢM	GIẢM		13.78				15.25		
HPG	25.20	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	5.66%	
HSG	8.26	GIẢM	TĂNG		8.68			7.75	7.52	6.58%	
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-14.20%	
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVN	26.40	GIẢM	GIẢM		28.71				35.49		
KBC	14.80	GIẢM	TĂNG		15.27			15.35	14.21	-3.58%	
KDH	24.90	GIẢM	GIẢM		25.31			24.00	24.98	4.06%	
KSB	15.85	GIẢM	GIẢM		16.58				17.89		
LCG	6.85	GIẢM	GIẢM		6.88				8.27		
LDG	6.51	GIẢM	GIẢM		7.03				9.18		
LHG	14.55	GIẢM	GIẢM		15.04				16.89		
LPB	7.10	TĂNG	GIẢM	7.00	6.62	1.43%			8.05		
MBB	21.80	TĂNG	GIẢM	21.80	21.25	0.00%	MUA		22.70		
MPC	21.70	TĂNG	TĂNG	22.00	18.83	-1.36%		24.10	19.14	-9.96%	
MSN	49.90	GIẢM	GIẢM		51.76				61.61		
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	14.88	0.00%	MUA		16.05		
MWG	109.50	GIẢM	GIẢM		112.52				122.49		
NDN	14.50	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
NKG	8.17	GIẢM	TĂNG		8.93			7.11	8.06	14.91%	
NLG	26.30	GIẢM	TĂNG		26.97			28.70	26.30	-8.36%	
NT2	20.10	TĂNG	GIẢM	19.80	18.63	1.52%			20.20		
NTL	20.80	GIẢM	GIẢM		21.84			24.20	21.14	-12.66%	
NVL	53.00	GIẢM	GIẢM		57.19				59.95		

We Create Fortune

OIL	7.10	GIẢM	GIẢM		7.61				9.30		
PAC	23.50	GIẢM	GIẢM		24.12				27.00		
PC1	14.85	GIẢM	GIẢM		16.31				19.39		
PDR	26.15	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.32%		29.00	25.19	-9.83%	
PHR	36.00	GIẢM	GIẢM		36.74				46.96		
PLX	52.00	GIẢM	GIẢM		53.12				60.01		
PNJ	83.90	GIẢM	GIẢM		86.66			77.07	84.79	10.01%	BÁN
POW	10.05	GIẢM	GIẢM		10.35				12.20		
PVT	13.60	GIẢM	GIẢM		13.90				16.41		
PPC	26.80	TĂNG	TĂNG	26.80	26.35	0.00%	MUA	28.40	24.39	-5.63%	
PTB	68.00	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-2.86%			72.68		
PVB	16.60	GIẢM	GIẢM		17.40				19.65		
PVD	13.35	GIẢM	GIẢM		13.50				16.51		
PVI	31.70	GIẢM	GIẢM		31.73				33.18		
PVS	16.90	TĂNG	GIẢM	16.90	16.89	0.00%	MUA		19.30		
PXS	5.88	TĂNG	TĂNG	5.90	5.32	-0.34%		6.20	4.92	-5.16%	
QNS	28.20	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	1.81%			28.87		
REE	34.00	GIẢM	GIẢM		34.69			33.33	35.23	5.70%	BÁN
SAB	190.00	GIẢM	GIẢM		212.59				248.37		
SAM	9.65	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	18.40%		7.40	8.67	30.41%	
SCR	5.41	TĂNG	GIẢM	5.30	4.85	2.08%			5.93		
SHI	8.88	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	27.04%	
SJS	16.90	TĂNG	GIẢM	16.90	16.80	0.00%	MUA	17.00	24.08	41.66%	BÁN
SKG	11.60	GIẢM	GIẢM		11.68			12.30	11.66	-5.18%	BÁN
SSI	17.70	GIẢM	GIẢM		17.93				19.73		
STB	10.95	TĂNG	TĂNG	10.95	10.71	0.00%	MUA	10.20	9.94	7.35%	MUA
TCB	22.35	GIẢM	GIẢM		22.54				24.80		
TCM	19.75	GIẢM	TĂNG		20.74			20.65	18.42	-4.36%	MUA
TDH	9.83	GIẢM	GIẢM		10.07				11.10		
TLH	3.46	GIẢM	GIẢM		3.81			4.48	3.49	-22.16%	
TNG	15.40	GIẢM	TĂNG		15.96			15.50	13.78	-0.65%	MUA
VCB	89.40	GIẢM	TĂNG		91.95			62.00	86.74	44.19%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%		19.20	25.28	31.66%	
VCS	67.50	GIẢM	GIẢM		68.86				79.65		
VGC	17.55	GIẢM	GIẢM		18.10				18.86		
VGT	9.10	TĂNG	TĂNG	8.60	7.68	5.81%			8.95		
VHC	34.20	GIẢM	GIẢM		34.58				41.92		
VHM	86.80	GIẢM	GIẢM		88.10				91.72		
VIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-0.56%		17.70	16.56	0.00%	



We Create Fortune

VIC	114.40	GIẢM	TĂNG		115.59			112.00	113.76	2.14%	
VIP	4.95	GIẢM	GIẢM		5.02				5.28		
VJC	127.50	GIẢM	GIẢM		129.12			124.50	140.85	13.14%	BÁN
VND	14.10	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-4.08%	MUA
VNG	19.10	GIẢM	GIẢM		19.69				20.87		
VNM	107.50	GIẢM	GIẢM		111.71				126.07		
VPB	25.50	TĂNG	TĂNG	20.00	22.54	27.50%		21.90	20.51	16.44%	
VPI	42.30	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.35%		41.30	40.54	2.42%	
VRC	5.84	GIẢM	GIẢM		7.00				10.69		
VRE	30.95	GIẢM	GIẢM		31.09			35.05	32.08	-8.48%	BÁN
VSC	25.15	GIẢM	TĂNG		26.09			27.00	24.46	-6.85%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.00	TĂNG	TĂNG	24.00	23.58	0.00%	MUA	24.00	22.57	0.00%	
BID	53.20	GIẢM	TĂNG		55.97			33.40	49.22	59.28%	
BSR	7.80	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	58.40	GIẢM	GIẢM		60.36				72.56		
CTG	27.75	TĂNG	TĂNG	20.60	25.20	34.71%		23.55	22.98	17.83%	
FPT	53.60	GIẢM	GIẢM		53.94			40.23	54.99	36.70%	BÁN
GAS	85.90	GIẢM	GIẢM		87.45				101.88		
GEX	19.05	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-7.07%			20.84		
GVR	10.90	GIẢM	N/A		11.30				N/A		
HDB	29.90	TĂNG	TĂNG	28.40	26.07	5.28%			29.24		
HNG	13.55	GIẢM	GIẢM		13.78				15.25		
HPG	25.20	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	5.66%	
HVN	26.40	GIẢM	GIẢM		28.71				35.49		
KDH	24.90	GIẢM	GIẢM		25.31			24.00	24.98	4.06%	
MBB	21.80	TĂNG	GIẢM	21.80	21.25	0.00%	MUA		22.70		
MSN	49.90	GIẢM	GIẢM		51.76				61.61		
MWG	109.50	GIẢM	GIẢM		112.52				122.49		
NVL	53.00	GIẢM	GIẢM		57.19				59.95		
OIL	7.10	GIẢM	GIẢM		7.61				9.30		
PLX	52.00	GIẢM	GIẢM		53.12				60.01		
PNJ	83.90	GIẢM	GIẢM		86.66			77.07	84.79	10.01%	BÁN
POW	10.05	GIẢM	GIẢM		10.35				12.20		

We Create Fortune

QNS	28.20	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	1.81%			28.87		
REE	34.00	GIẢM	GIẢM		34.69			33.33	35.23	5.70%	BÁN
ROS	7.05	GIẢM	GIẢM		9.27				13.87		
SBT	18.00	GIẢM	TĂNG		18.11			17.50	17.46	2.86%	
SSI	17.70	GIẢM	GIẢM		17.93				19.73		
STB	10.95	TĂNG	TĂNG	10.95	10.71	0.00%	MUA	10.20	9.94	7.35%	MUA
TCB	22.35	GIẢM	GIẢM		22.54				24.80		
TPB	21.40	GIẢM	GIẢM		21.43				23.94		
VCB	89.40	GIẢM	TĂNG		91.95			62.00	86.74	44.19%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%		18.44	25.28	37.08%	
VCS	67.50	GIẢM	GIẢM		68.86				79.65		
VEA	44.10	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-3.08%			59.45		
VGI	25.10	GIẢM	N/A		25.95				N/A		
VHM	86.80	GIẢM	GIẢM		88.10				91.72		
VIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-0.56%		15.00	16.56	17.96%	
VIC	114.40	GIẢM	TĂNG		115.59			112.00	113.76	2.14%	
VJC	127.50	GIẢM	GIẢM		129.12			124.50	140.85	13.14%	BÁN
VNM	107.50	GIẢM	GIẢM		111.71				126.07		
VPB	25.50	TĂNG	TĂNG	20.00	22.54	27.50%		21.90	20.51	16.44%	
VRE	30.95	GIẢM	GIẢM		31.09			35.05	32.08	-8.48%	BÁN

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.95	TĂNG	GIẢM	11.95	11.65	0.00%	MUA		13.75		
ANV	18.80	TĂNG	GIẢM	18.80	18.67	0.00%	MUA		24.61		
ASM	5.86	GIẢM	GIẢM		6.07				7.18		
BMI	23.90	GIẢM	GIẢM	25.65	24.53	-4.38%	BÁN	26.70	23.99	-10.16%	
BMP	42.00	GIẢM	GIẢM		43.42				49.34		
BWE	19.35	GIẢM	GIẢM		20.78				24.17		
CEO	8.30	GIẢM	GIẢM		8.62				9.80		
CII	23.95	GIẢM	TĂNG		25.48			26.00	22.83	-7.88%	
CRE	22.80	GIẢM	GIẢM		23.84			25.00	23.65	-5.42%	BÁN
CTI	20.80	GIẢM	GIẢM		22.31				23.07		
CTR	45.40	GIẢM	TĂNG		48.02			43.70	40.69	3.89%	MUA
D2D	54.90	TĂNG	GIẢM	54.90	54.84	0.00%	MUA		77.80		
DBD	55.00	TĂNG	GIẢM	58.00	54.48	-5.17%			60.29		

We Create Fortune

DCM	5.70	GIẢM	GIẢM		5.90				6.45		
DGW	24.85	TĂNG	TĂNG	24.85	24.37	0.00%	MUA	25.20	22.71	-1.39%	
DHC	39.00	GIẢM	TĂNG		41.92			37.70	36.02	3.45%	
DIG	11.50	GIẢM	GIẢM		12.11				14.46		
DPG	25.80	GIẢM	GIẢM		27.66				38.70		
DPM	11.70	GIẢM	GIẢM		11.87				13.89		
DRC	23.80	GIẢM	TĂNG		24.62			21.60	23.40	10.19%	BÁN
DXG	11.65	GIẢM	GIẢM		11.93				14.95		
E1VFN30	14.35	GIẢM	GIẢM		14.52				15.42		
FCN	9.54	GIẢM	GIẢM		9.88				11.04		
FLC	3.92	GIẢM	GIẢM		4.20			4.63	4.02	-13.27%	BÁN
GEG	24.95	GIẢM	GIẢM		26.03				27.32		
GMD	19.50	GIẢM	GIẢM		19.77				23.37		
GTN	16.30	GIẢM	GIẢM		17.51				20.66		
HAG	3.53	GIẢM	GIẢM		3.59				4.22		
HBC	10.55	GIẢM	GIẢM		11.15				12.34		
HCM	18.90	GIẢM	GIẢM		19.90				23.40		
HDC	20.70	GIẢM	GIẢM		21.10			15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	27.25	GIẢM	GIẢM		28.07				32.97		
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-3.64%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.26	GIẢM	TĂNG		8.68			7.75	7.52	6.58%	
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-14.20%	
HTM	19.60	TĂNG	TĂNG	19.60	19.16	0.00%	MUA	20.00	15.34	-2.00%	
IBC	20.25	GIẢM	GIẢM		20.58				21.22		
IDI	4.25	GIẢM	GIẢM		4.46				5.52		
IJC	13.60	GIẢM	GIẢM		14.16			13.10	14.05	7.27%	BÁN
ITA	2.29	GIẢM	GIẢM		2.37				2.92		
KBC	14.80	GIẢM	TĂNG		15.27			14.85	14.21	-0.31%	
KDC	18.25	GIẢM	TĂNG		19.21			20.82	18.08	-12.33%	
KOS	29.10	GIẢM	TĂNG	26.80	29.50	10.08%	BÁN	26.30	26.05	10.65%	
KSB	15.85	GIẢM	GIẢM		16.58				17.89		
LDG	6.51	GIẢM	GIẢM		7.03				9.18		
LPB	7.10	TĂNG	GIẢM	7.00	6.62	1.43%			8.05		
MBG	16.00	GIẢM	GIẢM		16.70				27.83		
MBS	14.10	GIẢM	GIẢM		14.83				15.75		
MPC	21.70	TĂNG	TĂNG	22.00	18.83	-1.36%		24.10	19.14	-9.96%	
NBB	20.40	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		
NKG	8.17	GIẢM	TĂNG		8.93			7.11	8.06	14.91%	



We Create Fortune

NLG	26.30	GIẢM	TĂNG		26.97			26.28	26.30	0.07%	
NT2	20.10	TĂNG	GIẢM	19.80	18.63	1.52%			20.20		
NTL	20.80	GIẢM	GIẢM		21.84			24.20	21.14	-12.66%	
NVB	9.20	GIẢM	TĂNG		9.49			8.50	8.62	8.24%	
OGC	3.43	GIẢM	GIẢM		3.57				3.92		
PC1	14.85	GIẢM	GIẢM		16.31				19.39		
PDR	26.15	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.32%		23.59	25.19	10.83%	
PHR	36.00	GIẢM	GIẢM		36.74				46.96		
PPC	26.80	TĂNG	TĂNG	26.80	26.35	0.00%	MUA	28.40	24.39	-5.63%	
PTB	68.00	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-2.86%			72.68		
PVD	13.35	GIẢM	GIẢM		13.50				16.51		
PVI	31.70	GIẢM	GIẢM		31.73				33.18		
PVS	16.90	TĂNG	GIẢM	16.90	16.89	0.00%	MUA		19.30		
PVT	13.60	GIẢM	GIẢM		13.90				16.41		
QCG	3.66	GIẢM	GIẢM		3.79				4.30		
SCR	5.41	TĂNG	GIẢM	5.30	4.85	2.08%			5.93		
SGP	6.10	GIẢM	GIẢM		6.68				8.49		
SHB	7.60	TĂNG	TĂNG	6.40	6.46	18.75%		7.10	6.52	7.04%	
SHS	7.20	GIẢM	GIẢM		7.22			8.40	7.36	-12.38%	BÁN
SZC	15.55	TĂNG	GIẢM	15.55	15.48	0.00%	MUA		18.63		
TCH	42.50	TĂNG	TĂNG	30.05	40.19	41.43%		26.15	35.93	62.52%	
TCM	19.75	GIẢM	TĂNG		20.74			20.65	18.42	-4.36%	MUA
TDH	9.83	GIẢM	GIẢM		10.07				11.10		
TNG	15.40	GIẢM	TĂNG		15.96			15.50	13.78	-0.65%	MUA
TTB	3.27	GIẢM	GIẢM		3.61				6.34		
VGC	17.55	GIẢM	GIẢM		18.10				18.86		
VGT	9.10	TĂNG	TĂNG	9.10	7.68	0.00%	MUA		8.95		
VHC	34.20	GIẢM	GIẢM		34.58				41.92		
VND	14.10	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-4.08%	MUA
VNG	19.10	GIẢM	GIẢM		19.69				20.87		
VPI	42.30	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.35%		41.30	40.54	2.42%	



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	7.40	GIẢM	GIẢM		8.27			9.00	7.48	-16.87%	
AGR	3.37	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-6.39%			3.87		
AMD	1.79	GIẢM	GIẢM		1.93				2.33		
APG	11.85	TĂNG	TĂNG	10.70	10.26	10.75%		9.90	8.88	19.70%	
ART	2.20	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	-4.35%	
BCG	6.59	TĂNG	GIẢM	6.59	6.58	0.00%	MUA		7.40		
C4G	5.70	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	6.10	GIẢM	GIẢM		6.22				11.07		
CCL	6.17	GIẢM	GIẢM		6.76			7.88	6.27	-20.46%	
CVT	19.90	GIẢM	GIẢM		20.20				22.18		
DAH	8.50	GIẢM	GIẢM		9.01				10.73		
DLG	1.80	GIẢM	GIẢM		1.92				2.39		
DRH	3.38	TĂNG	GIẢM	3.63	3.15	-6.89%			4.24		
DTD	9.90	GIẢM	GIẢM		10.30				12.23		
EVG	2.47	GIẢM	GIẢM		2.62				2.80		
FIT	8.00	GIẢM	GIẢM		8.67				10.68		
FTM	1.72	GIẢM	GIẢM		1.79				3.26		
FUES SV50	12.40	GIẢM	GIẢM		12.49				13.06		
GKM	15.70	TĂNG	TĂNG	15.00	14.91	4.67%		14.90	14.67	5.37%	
HAH	10.30	GIẢM	GIẢM		10.89				12.82		
HAI	2.54	GIẢM	GIẢM		2.81				3.33		
HAR	3.16	GIẢM	GIẢM		3.41				4.15		
HDA	8.80	GIẢM	GIẢM		9.54				10.48		
HHP	12.20	GIẢM	GIẢM	12.20	12.22	0.16%	BÁN		13.13		
HHS	3.77	GIẢM	TĂNG		3.86			3.36	2.97	12.20%	
HID	2.38	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	0.85%		2.63	2.16	-9.51%	
HII	9.61	TĂNG	GIẢM	9.61	9.57	0.00%	MUA		10.51		
HQC	1.03	GIẢM	GIẢM		1.05				1.21		
HSL	6.27	GIẢM	GIẢM		7.26				8.34		
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVG	7.90	GIẢM	TĂNG	7.82	7.93	1.35%	BÁN	3.90	6.94	102.56%	
HVH	10.90	GIẢM	GIẢM		11.81				16.61		
IDJ	9.20	TĂNG	TĂNG	9.20	9.13	0.00%	MUA	7.20	6.50	27.78%	
JVC	3.50	TĂNG	GIẢM	3.47	3.47	0.86%			3.79		



We Create Fortune

KLF	1.40	GIẢM	TĂNG		1.57			1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.85	GIẢM	GIẢM		6.88				8.27		
LGL	6.50	GIẢM	GIẢM		7.49				8.67		
LHG	14.55	GIẢM	GIẢM		15.04				16.89		
LMH	2.19	GIẢM	GIẢM		2.83				5.76		
MST	5.10	GIẢM	TĂNG		5.30			3.40	4.34	50.00%	
NDN	14.50	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
PHC	10.50	GIẢM	GIẢM		10.91				11.99		
PLP	9.20	GIẢM	GIẢM		9.49				10.90		
PVB	16.60	GIẢM	GIẢM		17.40				19.65		
PVC	6.00	GIẢM	GIẢM		6.39				7.26		
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.17				1.45		
PXL	7.70	TĂNG	TĂNG	8.10	7.28	-4.94%		6.70	6.66	14.93%	
SHI	8.88	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	54.03%	
SJF	1.79	GIẢM	GIẢM		1.84				2.06		
SPP	1.60	GIẢM	GIẢM		1.70				2.33		
TDC	8.09	GIẢM	GIẢM		8.45				9.04		
TIG	5.90	GIẢM	TĂNG		6.31			3.20	5.54	84.38%	
TLH	3.46	GIẢM	GIẢM		3.81			4.48	3.49	-22.16%	
TNA	17.80	GIẢM	GIẢM		19.19				22.82		
TNI	10.25	GIẢM	TĂNG		10.41			10.90	9.99	-5.96%	
TSC	2.20	GIẢM	GIẢM		2.34				3.23		
TTF	2.46	GIẢM	GIẢM		2.56				2.97		
TTH	2.50	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	-7.41%			2.89		
TVC	21.20	GIẢM	TĂNG		21.24			14.30	18.60	48.25%	
VC3	16.50	GIẢM	TĂNG		17.16			22.00	16.32	-25.00%	
VCR	8.40	GIẢM	GIẢM		9.35				12.75		
VNA	2.80	GIẢM	GIẢM		3.10				4.10		
VNE	3.59	GIẢM	GIẢM		3.77				3.70		
VRC	5.84	GIẢM	GIẢM		7.00				10.69		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	938.54	1.36%	HNI	105.84	2.57%	UPCoM	55.61	0.72%
VN30	862.86	2.08%	HN30	185.04	2.60%			
VN Mid	892.24	1.95%	VNX					
VN Small	720.42	1.74%	AllSh	824.23	1.92%			

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	742.7		Mua	2.47		Mua	37.33	
Bán	909.63		Bán	32.38		Bán	53.79	
GT ròng	-166.92		GT ròng	-29.91		GT ròng	-16.47	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PHR	2350	6.98%	MBG	1400	9.59%	VGT	800	9.64%
HAG	230	6.97%	SHS	600	9.09%	HTM	1600	8.89%
SMB	2050	6.95%	CSC	2400	7.25%	PXL	400	5.48%
VRE	2000	6.91%	TAR	2000	6.90%	GVR	500	4.81%
DXG	750	6.88%	TNG	900	6.21%	BSR	300	4.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DCL	-1600	-6.88%	DHT	-1700	-3.45%	EVF	-600	-7.89%
ROS	-470	-6.25%	CEO	-100	-1.19%	DVN	-200	-1.65%
BMI	-700	-2.85%	HUT	0	0.00%	VEA	-500	-1.12%
KOS	-800	-2.68%	MBS	0	0.00%	BOT	-200	-0.36%
IMP	-1300	-2.45%	VC3	0	0.00%	LPB	0	0.00%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	386,950		ACB	39,756		ACV	129,368	
VCB	331,574		SHB	13,341		VEA	58,613	
VHM	285,530		VCG	11,087		MCH	47,792	
BID	213,971		VCS	10,800		GVR	42,884	
VNM	187,198		PVS	8,078		BCM	27,394	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
STB	22,717,950	6,426,456	SHB	9,104,379	8,471,219	BSR	2,014,752	2,597,597
MBB	13,166,109	6,531,732	ACB	2,993,981	2,616,376	LPB	1,525,378	818,199
CTG	10,566,600	8,786,926	PVS	2,954,348	2,573,977	VGT	1,391,221	214,638
HPG	9,214,150	7,771,365	ACM	2,719,746	524,767	PFL	806,800	87,046
VPB	8,466,820	3,567,676	SHS	1,995,250	488,437	VIB	760,378	720,515

Nguồn: Bloomberg & YSVN

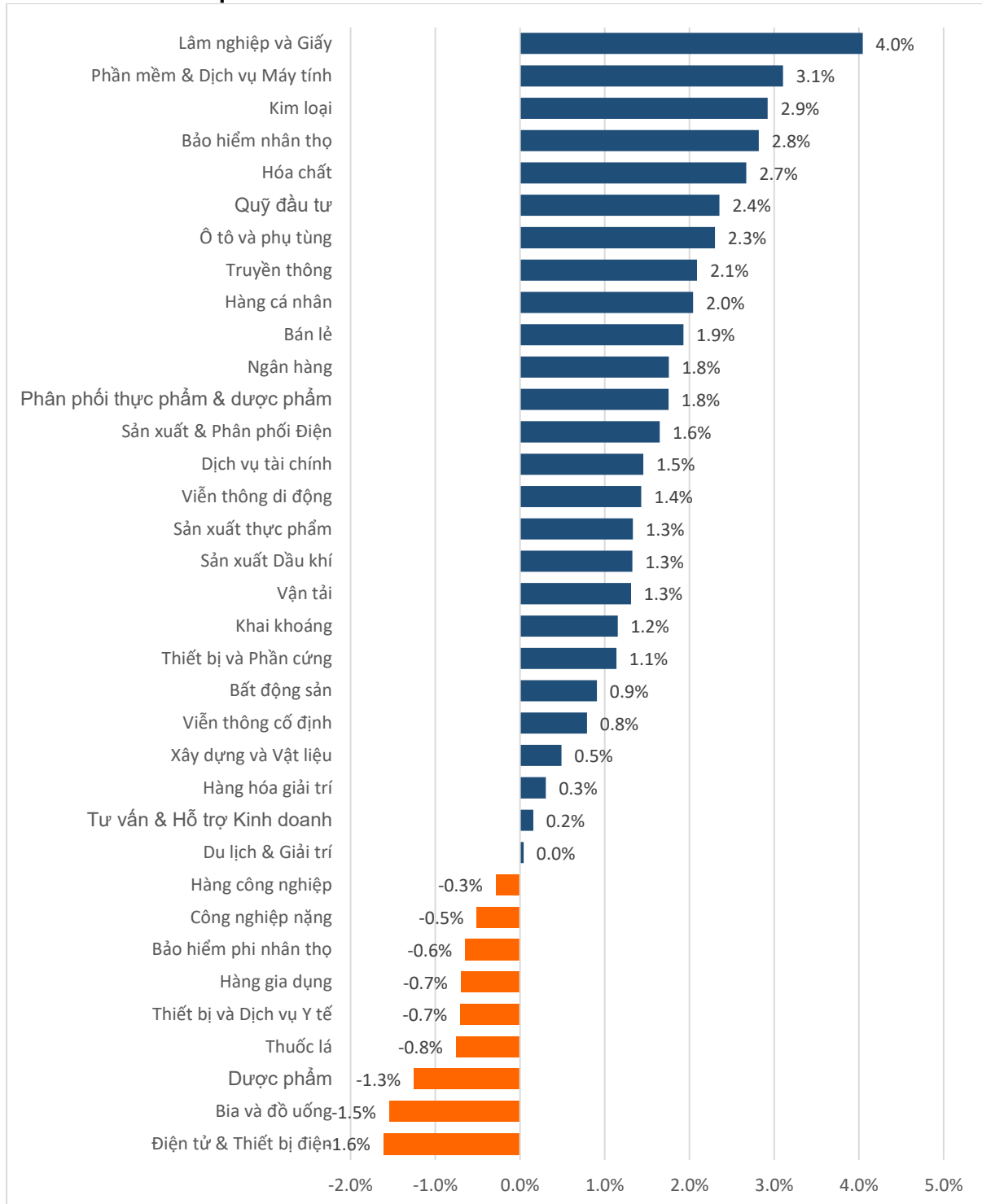
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



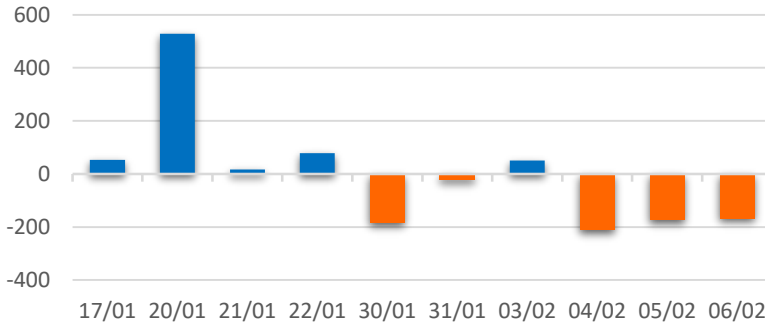
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

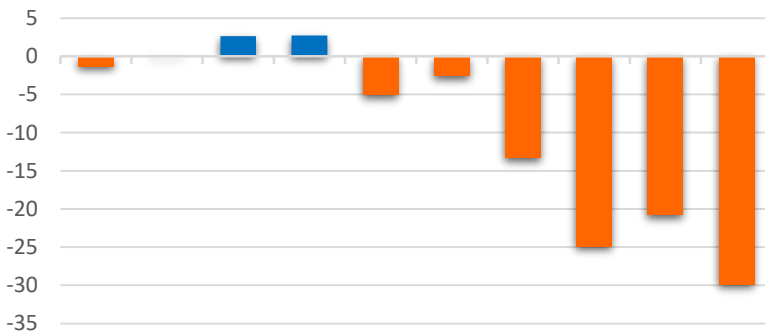
THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



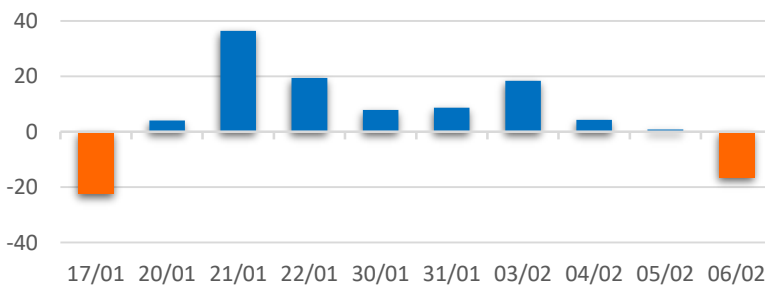
17/01 20/01 21/01 22/01 30/01 31/01 03/02 04/02 05/02 06/02

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



17/01 20/01 21/01 22/01 30/01 31/01 03/02 04/02 05/02 06/02

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



17/01 20/01 21/01 22/01 30/01 31/01 03/02 04/02 05/02 06/02

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	30,813	MSN	66,884
HDB	23,690	NVL	63,634
VRE	23,083	VIC	43,488
VHM	17,510	VNM	26,045
VJC	16,598	BID	21,850

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TNG	630	PVS	18,185
AMV	607	SHB	4,694
TIG	377	CEO	2,465
VMC	116	NTP	1,916
VCS	83	NDN	1,905

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
FOX	377	CTR	7,219
QNS	211	ACV	4,702
ABI	121	VEA	1,319
MCH	102	MPC	942
ADG	92	TTD	210

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



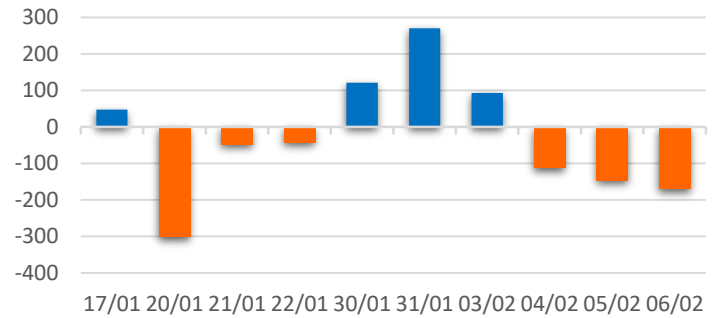
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

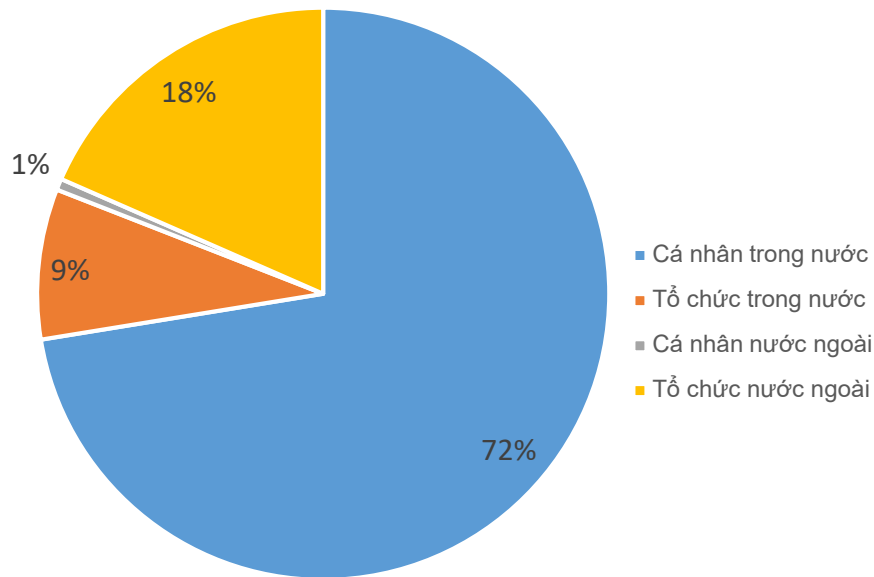
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MBB	12,776	MBB	33,675
VPB	7,970	E1VFN30	31,128
HPG	6,383	MWG	22,714
TCB	6,161	VPB	21,669
HSG	5,533	HPG	16,127

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

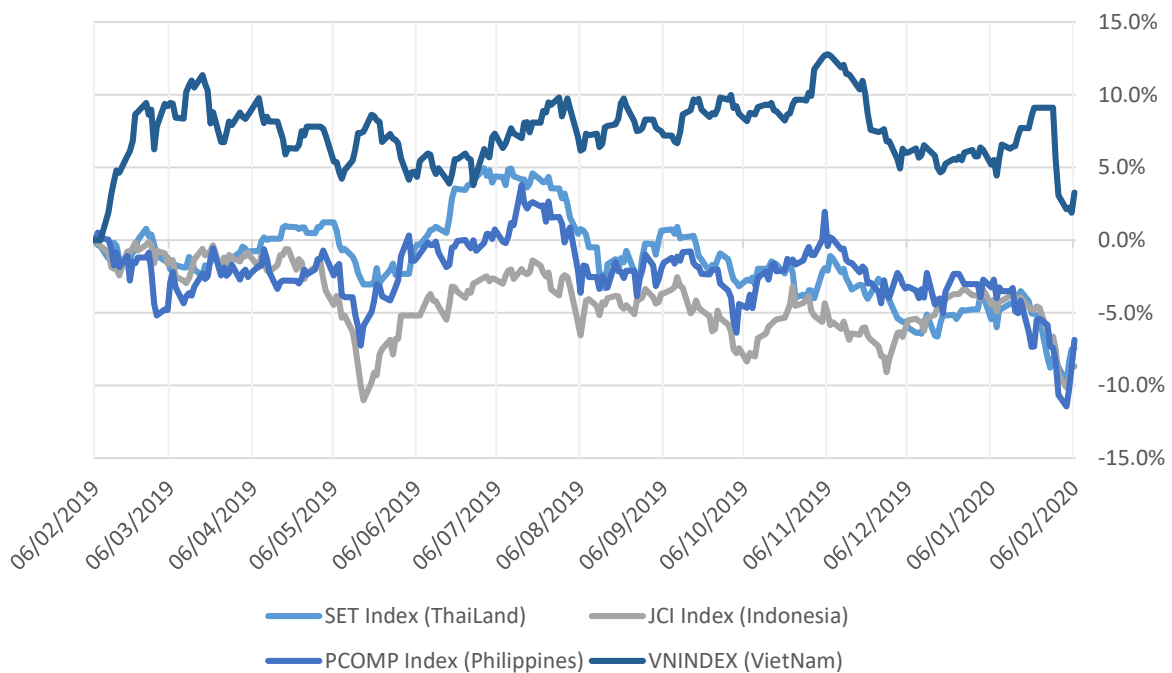


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

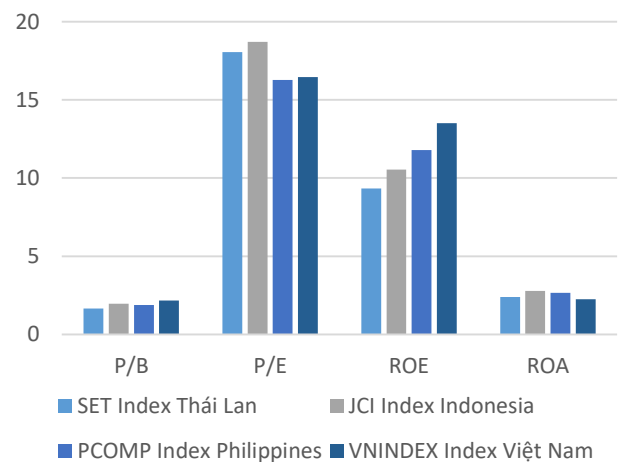
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.6x	2.0x	1.9x	2.2x
P/E		18.0x	18.7x	16.3x	16.5x
ROE	%	9.33	10.55	11.79	13.51
ROA	%	2.39	2.78	2.66	2.24
Vốn hóa	Tỷ USD	522.81	508.56	180.07	136.50
GTGD	Triệu USD	1.89	0.37	0.10	0.13
LS cổ tức	%	3.37	2.54	1.67	2.06

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826
minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908
hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833
khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832
hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880
phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609
tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404
quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505
thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847
hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701
phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828
hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203
cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301
tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409
hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written